



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VCT
ISO/IEC 17065:2012

Mã hiệu
Lần BH

QĐ.CN.01.01
03

Ngày BH
Số trang

07/09/2026
1/6



TÀI LIỆU ĐƯỢC KIỂM SOÁT
DOCUMENTS UNDER CONTROL

QUY ĐỊNH RIÊNG CHỨNG NHẬN CƠ SỞ BẢO HÀNH, BẢO DƯỠNG XE CƠ GIỚI

Người lập	Nguyễn Đức Minh		Ngày lập	03/09/2026
Người kiểm tra	Doãn Mạnh Hùng		Ngày kiểm tra	07/09/2026
Người phê duyệt	Nguyễn Thái Hùng		Ngày phê duyệt	07/09/2026

Ghi chú: Tài liệu này thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần dịch vụ VCT, không được phép thay đổi hoặc sao chép bất cứ phần nào khi không có sự đồng ý của Giám đốc Công ty Cổ phần dịch vụ VCT.

1. Mục đích

Tài liệu này quy định các yêu cầu và nguyên tắc áp dụng đối với hoạt động chứng nhận Cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe cơ giới (CSBHBD) phù hợp với QCVN 121:2024/BGTVT.

2. Tài liệu liên quan

- Sổ tay chất lượng;
- ISO/IEC 17065:2012 Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận, quá trình và dịch vụ;

- Thông tư 14/2026/TT-BKHCN ngày 09/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

- QCVN 121:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe cơ giới;
- QT.CN.01 Quy trình chứng nhận sản phẩm;
- HD.CN.01.01 Hướng dẫn đánh giá chứng nhận cơ sở bảo hành bảo dưỡng xe cơ giới;
- HD.CN.01.02 Hướng dẫn sử dụng dấu chứng nhận hợp quy;
- QT.HT.07 Quy trình khiếu nại, kháng nghị.

3. Yêu cầu về khách hàng

3.1. Yêu cầu chung

- CSBHBD hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam.
- CSBHBD được chứng nhận phải tuân thủ các yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật và các quy định liên quan.

- Cam kết duy trì sự phù hợp với các yêu cầu chứng nhận trong suốt thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận.

- Chấp nhận các cuộc đánh giá chứng nhận, đánh giá đột xuất (nếu có).
- Cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu và tạo điều kiện cho đoàn đánh giá thực hiện nhiệm vụ.
- Chỉ sử dụng giấy chứng nhận và dấu chứng nhận theo đúng quy định của VCT.

3.2. Yêu cầu về sử dụng chứng nhận

3.2.1. CSBHBD phải thực hiện các công bố liên quan đến chứng nhận nhất quán với phạm vi chứng nhận.

3.2.2. CSBHBD không sử dụng chứng nhận theo cách làm ảnh hưởng xấu tới uy tín của Tổ chức chứng nhận (ICCN) và không thực hiện tuyên bố nào liên quan đến chứng nhận mà ICCN có thể cho là dẫn đến hiểu lầm hoặc không cho phép;

3.2.3. Khi bị đình chỉ, hủy bỏ hoặc chấm dứt chứng nhận, CSBHBD phải ngừng việc sử dụng mọi nội dung quảng cáo viện dẫn tới chứng nhận và thực hiện hành động theo yêu cầu của chương trình chứng nhận (ví dụ gửi lại tài liệu chứng nhận) và thực hiện mọi biện pháp cần thiết khác;

3.2.4. Nếu CSBHBD cung cấp bản sao tài liệu chứng nhận cho các bên khác, thì những tài liệu này phải được sao chép một cách nguyên vẹn hoặc theo quy định của chương trình chứng nhận;

3.2.5. Khi viện dẫn chứng nhận của mình bằng phương tiện truyền thông như tài liệu, bản giới thiệu hoặc quảng cáo, CSBHBD phải tuân thủ các yêu cầu của TCCN hoặc theo quy định của chương trình chứng nhận;

3.2.6. CSBHBD tuân thủ mọi yêu cầu quy định trong chương trình chứng nhận liên quan đến việc sử dụng dấu hợp quy và thông tin liên quan đến CSBHBD;

3.2.7. CSBHBD giữ hồ sơ mọi khiếu nại về mình liên quan đến sự phù hợp với các yêu cầu chứng nhận và sẵn có những hồ sơ này cho TCCN khi được yêu cầu và thực hiện những nội dung công việc sau:

- a) Thực hiện hành động thích hợp liên quan đến những khiếu nại này và mọi sự khác biệt được phát hiện trong CSBHBD ảnh hưởng tới sự phù hợp với các yêu cầu chứng nhận;
- b) Lập thành văn bản hành động được thực hiện.

3.2.8. CSBHBD thông báo cho TCCN các thay đổi có thể ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng các yêu cầu chứng nhận theo quy định tại Mục 8 của tài liệu này.

4. Chuẩn mực đánh giá chứng nhận

Chuẩn mực đánh giá chứng nhận là QCVN 121:2024/BGTVT và các yêu cầu pháp lý, yêu cầu chứng nhận có liên quan được áp dụng tại thời điểm đánh giá.

5. Phạm vi chứng nhận

TT	Nhóm sản phẩm	Mã NACE (rev. 2) tương ứng
1	Cơ sở bảo hành bảo dưỡng xe cơ giới	45.20

6. Yêu cầu về đánh giá hiện trường

Đoàn đánh giá phải được bố trí nhân sự có năng lực kỹ thuật phù hợp với phạm vi chứng nhận và nội dung đánh giá;

6.1. Đánh giá hiện trường khi đánh giá chứng nhận mới

Phải thực hiện đánh giá tại hiện trường CSBHBD đối với nhà xưởng, các trang thiết bị kỹ thuật theo yêu cầu của QCVN 121:2024/BGTVT.

6.2. Đánh giá hiện trường để duy trì chứng nhận

Trong thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận, không thực hiện đánh giá giám sát định kỳ. TCCN có thể thực hiện đánh giá đột xuất khi có căn cứ cho thấy CSBHBD không còn đáp ứng yêu cầu chứng nhận hoặc khi có thay đổi có khả năng ảnh hưởng đến sự phù hợp.

6.3. Đánh giá hiện trường để cấp chứng nhận bổ sung

Đánh giá hiện trường khi CSBHBD bổ sung thêm hạng mục xe cơ giới thực hiện bảo hành bảo dưỡng. Phải thực hiện đánh giá lại tại hiện trường CSBHBD các trang thiết bị kỹ thuật theo yêu cầu của QCVN 121:2024/BGTVT.

Không yêu cầu đánh giá hiện trường khi:

- Cập đổi Giấy chứng nhận do mất, hỏng;
- Cập nhật yêu cầu chứng nhận do thay đổi quy chuẩn hoặc văn bản pháp luật.

7. Quy định liên quan đến giấy chứng nhận và dấu chứng nhận hợp quy

- Giấy chứng nhận có hiệu lực trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày cấp, trừ trường hợp bị đình chỉ, thu hẹp hoặc hủy bỏ trước thời hạn theo quy định.

- Khách hàng có nhu cầu tái chứng nhận cần đăng ký với TCCN trước thời hạn hiệu lực GCN tối thiểu 30 ngày.

- Việc cấp lại, cấp đổi, cấp bổ sung hoặc gia hạn được thực hiện theo quy trình chứng nhận và các hướng dẫn liên quan của TCCN.

- Việc sử dụng dấu chứng nhận hợp quy được quy định tại HD.CN.01.02.

8. Quản lý thay đổi ảnh hưởng đến chứng nhận

8.1. Thông báo thay đổi

- CSBHBD được chứng nhận phải thông báo cho TCCN bằng văn bản (hoặc email) trong vòng 10 ngày nếu có thay đổi sau đây:

+ Thay đổi pháp lý, chủ sở hữu hoặc tổ chức quản lý.

+ Thay đổi phạm vi hoạt động bảo hành bảo dưỡng được chứng nhận

+ Thay đổi địa điểm hoạt động.

+ Thay đổi mặt bằng và các khu vực của CSBHBD;

+ Thay đổi trang thiết bị, dụng cụ chính phục vụ bảo hành, bảo dưỡng.

- TCCN sẽ xem xét và đánh giá mức độ ảnh hưởng của các thay đổi này để quyết định tiếp tục duy trì hoặc đánh giá lại.

8.2. Đánh giá lại

- TCCN thực hiện đánh giá đột xuất hoặc bổ sung nếu thay đổi ảnh hưởng đến sự phù hợp với QCVN 121:2024/BGTVT.

- Chi phí đánh giá lại do CSBHBD chịu trách nhiệm.

9. Chấm dứt, thu hẹp, đình chỉ, hủy bỏ chứng nhận

9.1. Chấm dứt chứng nhận

Tự động chấm dứt khi chứng nhận hết hạn và CSBHBD không gia hạn.

9.2. Thu hẹp phạm vi chứng nhận

- Áp dụng khi phát hiện một phần hoạt động của CSBHBD không đáp ứng yêu cầu của QCVN 121:2024/BGTVT nhưng phần còn lại vẫn phù hợp.

- Thông báo bằng văn bản và cập nhật hồ sơ chứng nhận.

9.3. Đình chỉ chứng nhận

- Tạm ngừng hiệu lực chứng nhận tối đa 06 tháng nếu phát hiện CSBHBD:

+ Không duy trì sự tuân thủ với quy chuẩn kỹ thuật hoặc yêu cầu chứng nhận;

+ Không thực hiện các hành động khắc phục trong thời gian quy định khi có sai phạm nghiêm trọng;

+ Vi phạm các quy định pháp luật liên quan;

+ Phát hiện các điểm không phù hợp về kỹ thuật nghiêm trọng nhưng có khả năng khắc phục trong thời gian quy định;

+ Không khắc phục cảnh báo từ đánh giá trước đó;

- CSBHBD phải nộp báo cáo khắc phục trong 30 ngày.

9.4. Hủy bỏ chứng nhận

- Áp dụng khi CSBHBD:

+ Cố tình vi phạm hoặc không có khả năng duy trì tuân thủ các quy định;

- + Vi phạm nghiêm trọng, gây rủi ro an toàn;
- + Không khắc phục sau thời gian đình chỉ;
- + Giấy chứng nhận bị sử dụng sai mục đích hoặc gây hiểu nhầm;
- + CSBHBD không hoạt động trong thời gian dài mà không có thông báo chính thức;
- + Gian lận trong hồ sơ đánh giá;
- + Từ chối tiếp nhận đánh giá lại hoặc đánh giá đột xuất khi được yêu cầu;
- + Trường hợp CSBHBD không thực hiện nghĩa vụ tài chính theo hợp đồng, TCCN xử lý theo điều khoản hợp đồng và quy định có liên quan.

- Trong trường hợp hủy bỏ chứng nhận, CSBHBD phải ngừng sử dụng các tài liệu, dấu chứng nhận và không được tiếp tục quảng bá tư cách được chứng nhận.

- Công bố công khai trên trang thông tin của TCCN và thông báo đến cơ quan chức năng.

9.5. Khiếu nại/ kháng nghị

Việc khiếu nại kháng nghị được thực hiện theo Quy trình QT.HT.07.

10. Xác định thời lượng đánh giá chứng nhận

TT	Hoạt động đánh giá chứng nhận		Thời lượng
I	Thời lượng đánh giá		
1.	Xem xét hồ sơ	Chứng nhận mới, tái chứng nhận	0,2 MD
		Chứng nhận bổ sung hoặc cấp lại GCN	0,1 MD
2.	Đánh giá hiện trường	Chứng nhận mới, tái chứng nhận	2,0 MD
		Chứng nhận bổ sung	1,0 MD
II	Thời lượng xử lý kỹ thuật nội bộ		
1.	Thẩm xét hồ sơ	Chứng nhận mới, tái chứng nhận	0,3 MD
		Chứng nhận bổ sung	0,2 MD
		Cấp lại GCN	0,1 MD
2.	Ra quyết định chứng nhận		0,1 MD
3.	Phát hành chứng nhận		0,1 MD
Ghi chú: MD (manday) – Ngày công đánh giá			

Thời lượng đánh giá được xác định căn cứ vào phạm vi chứng nhận, quy mô và mức độ phức tạp của CSBHBD, số lượng hạng mục xe cơ giới, điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị và các yếu tố liên quan. Thời lượng quy định tại bảng trên đây là thời lượng chuẩn/tối thiểu; trường hợp cần thiết, TCCN có thể tăng thời lượng đánh giá để bảo đảm đánh giá đầy đủ các yêu cầu chứng nhận.